

Bản án số: 69/2026/HS-PT
Ngày 12 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 46/2026/TLPT-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 03/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Mai Thị Bích H, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là số A, khu phố M, phường A, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N và bà Bùi Kim H2; có chồng tên C Trần Thiện K và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Thị Thu H1, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: Số B, khu phố B, phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là số B, khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H3 (đã chết) và bà Nguyễn Ngọc D; bị cáo có chồng tên Nguyễn Ngọc T và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Mai Thị Bích H:

1. Ông Phạm Văn C1 là Luật sư (có mặt).

1. Ông Lê Nhật H4 là Luật sư (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác nhưng không có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đối với bị cáo Mai Thị Bích H:

Do có mối quan hệ quen biết, nên từ ngày 25/9/2021 đến ngày 02/11/2022, bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1 vay tiền 58 lần, lãi suất thỏa thuận từ 0,3 đến 0,51%/ngày (trong đó có 53 lần cho vay lãi suất 0,3%/ngày, 04 lần cho vay lãi suất 0,4%/ngày, 01 lần cho vay lãi suất 0,51%/ngày), cụ thể như sau:

- Lần 01: Thời hạn cho vay 13 ngày (từ ngày 25/9/2021 đến ngày 07/10/2021), tiền gốc 1.200.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.200.000.000 đồng và tiền lãi là 46.800.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.547.945,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 38.252.054,8 đồng.

- Lần 02: Thời hạn cho vay 15 ngày (từ ngày 21/10/2021 đến ngày 04/11/2022), tiền gốc 1.200.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi là 54.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 44.136.986,3 đồng.

Còn lại 600.000.000 đồng tiền gốc chuyển thành khoản vay từ ngày 05/11/2021 đến ngày 11/11/2021, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi là 12.600.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.301.370 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 10.298.630 đồng.

- Lần 03: Thời hạn cho vay 13 ngày (từ ngày 10/12/2021 đến ngày 22/12/2021), tiền gốc 1.600.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.600.000.000 đồng và tiền lãi là 62.400.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 11.397.260,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 51.002.739,7 đồng.

- Lần 04: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 06/01/2021 đến ngày 12/01/2022), tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,51%/ngày, tương đương 187,7%/năm, cao gấp 9,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.500.000.000 đồng và lãi 54.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.753.424,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 48.246.575,3 đồng.

- Lần 05: Thời hạn cho vay 13 ngày (từ ngày 26/01/2022 đến ngày 09/02/2022), tiền gốc 1.700.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương

109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.700.000.000 đồng và lãi 76.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.972.602,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 62.527.397,3 đồng.

- Lần 06: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 24/02/2022 đến ngày 02/3/2022), tiền gốc 2.400.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.400.000.000 đồng và lãi là 57.600.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.205.479,4 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 48.394.520,6 đồng.

- Lần 07: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 09/3/2022 đến ngày 15/3/2022), tiền gốc 2.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.500.000.000 đồng và lãi là 52.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.589.041,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 42.910.958,9 đồng.

- Lần 08: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 16/3/2022 đến ngày 23/3/2022), tiền gốc 2.400.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.400.000.000 đồng và lãi là 57.600.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.520.547,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.079.452,1 đồng.

- Lần 09: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 01/4/2022 đến ngày 07/4/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 42.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.671.232,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 34.328.767,1 đồng.

- Lần 10: Thời hạn cho vay 15 ngày (từ ngày 08/4/2022 đến ngày 22/4/2022), tiền gốc 2.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.500.000.000 đồng và lãi là 112.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20.547.945,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 91.952.054,8 đồng.

- Lần 11: Thời hạn cho vay 05 ngày (từ ngày 15/4/2022 đến ngày 19/4/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 45.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.219.178,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 36.780.821,9 đồng.

- Lần 12: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 20/4/2022 đến ngày 27/4/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 48.000.000 đồng, trong đó

tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.767.123,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 39.232.876,7 đồng.

- Lần 13: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 26/4/2022 đến ngày 05/5/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 60.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.958.904,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 49.041.095,9 đồng.

- Lần 14: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 04/5/2022 đến ngày 10/5/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 42.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.671.232,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 34.328.767,1 đồng.

- Lần 15: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 11/5/2022 đến ngày 16/5/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 54.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,6 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 44.136.986,4 đồng.

- Lần 16: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 11/5/2022 đến ngày 19/5/2022), tiền gốc 2.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.500.000.000 đồng và lãi là 67.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.328.767,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 55.171.232,9 đồng.

- Lần 17: Thời hạn cho vay 05 ngày (từ ngày 23/5/2022 đến ngày 27/5/2022), tiền gốc 4.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.500.000.000 đồng và lãi là 60.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.958.904,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 49.041.095,9 đồng.

Còn lại 2.500.000.000 đồng tiền gốc chuyển thành khoảng vay từ ngày 28/5/2022 đến 30/5/2022, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.500.000.000 đồng và lãi là 22.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.109.589 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 18.390.411 đồng.

- Lần 18: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 31/5/2022 đến ngày 08/6/2022), tiền gốc 2.300.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.300.000.000 đồng và lãi là 62.100.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 11.342.465,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 50.757.534,2 đồng.

- Lần 19: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 06/6/2022 đến ngày 13/6/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 72.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.150.684,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 58.849.315,1 đồng.

- Lần 20: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 10/6/2022 đến ngày 15/6/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 54.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 44.136.986,3 đồng.

- Lần 21: Thời hạn cho vay 12 ngày (từ ngày 10/6/2022 đến ngày 21/6/2022), tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.500.000.000 đồng và lãi là 54.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 44.136.986,3 đồng.

- Lần 22: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 14/6/2022 đến ngày 21/6/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 48.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.767.123,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 39.232.876,7 đồng.

- Lần 23: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 16/6/2022 đến ngày 23/6/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 72.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.150.684,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 58.849.315,1 đồng.

- Lần 24: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 22/6/2022 đến ngày 27/6/2022), tiền gốc 2.800.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.800.000.000 đồng và lãi là 50.400.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.205.479,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 41.194.520,5 đồng.

- Lần 25: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 24/6/2022 đến ngày 30/6/2022), tiền gốc 2.300.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.300.000.000 đồng và lãi là 48.300.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.821.917,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 39.478.082,2 đồng.

- Lần 26: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 29/6/2022 đến ngày 06/7/2022), tiền gốc 3.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao

gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 84.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 15.342.465,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 68.657.534,2 đồng.

Còn lại 500.000.000 đồng tiền gốc chuyển thành khoản vay từ ngày 07/7/2022 đến ngày 13/7/2022, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 500.000.000 đồng và lãi là 10.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.917.808 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 8.582.192 đồng.

- Lần 27: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 04/7/2022 đến ngày 12/7/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 54.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 44.136.986,3 đồng.

- Lần 28: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 07/7/2022 đến ngày 14/7/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 72.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.150.684,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 58.849.315,1 đồng.

- Lần 29: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 13/7/2022 đến ngày 21/7/2022), tiền gốc 2.200.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.200.000.000 đồng và lãi là 59.400.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.849.315,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 48.550.684,9 đồng.

- Lần 30: Thời hạn cho vay 11 ngày (từ ngày 15/7/2022 đến ngày 25/7/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 99.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 18.082.191,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 80.917.808,2 đồng.

- Lần 31: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 22/7/2022 đến ngày 29/7/2022), tiền gốc 2.700.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.700.000.000 đồng và lãi là 64.800.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 11.835.616,4 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 52.964.383,6 đồng.

- Lần 32: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 26/7/2022 đến ngày 04/8/2022), tiền gốc 2.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.500.000.000 đồng và lãi là 75.000.000 đồng, trong đó

tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.698.630,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 61.301.369,9 đồng.

- Lần 33: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 01/8/2022 đến ngày 09/8/2022), tiền gốc 2.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.500.000.000 đồng và lãi là 67.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.328.767,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 55.171.232,9 đồng.

- Lần 34: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 05/8/2022 đến ngày 12/8/2022), tiền gốc 3.400.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.400.000.000 đồng và lãi là 81.600.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 14.904.109,6 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 66.695.890,4 đồng.

- Lần 35: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 10/8/2022 đến ngày 15/8/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 54.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 44.136.986,3 đồng.

Còn lại 1.000.000.000 đồng tiền gốc bà N1 và bị cáo thỏa thuận chuyển thành khoản vay 01 ngày (ngày 16/8/2022), lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 547.945 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 2.452.055 đồng.

- Lần 36: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 15/8/2022 đến ngày 22/8/2022), tiền gốc 3.700.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.700.000.000 đồng và lãi là 88.800.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 16.219.178,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 72.580.821,9 đồng.

- Lần 37: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 17/8/2022 đến ngày 23/8/2022), tiền gốc 3.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.500.000.000 đồng và lãi là 73.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.424.657,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 60.075.342,5 đồng.

- Lần 38: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 23/8/2022 đến ngày 30/8/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 48.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.787.123,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 39.232.876,7 đồng.

- Lần 39: Thời hạn cho vay 13 ngày (từ ngày 25/8/2022 đến ngày 06/9/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 117.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 21.369.863 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 95.630.137 đồng.

- Lần 40: Thời hạn cho vay 12 ngày (từ ngày 29/8/2022 đến ngày 09/9/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 108.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 19.726.027,4 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 88.273.972,6 đồng.

- Lần 41: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 31/8/2022 đến ngày 06/9/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 42.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.671.232,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 34.328.767,1 đồng.

- Lần 42: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 07/9/2022 đến ngày 14/9/2022), tiền gốc 2.400.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.400.000.000 đồng và lãi là 57.600.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.520.547,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.079.452,1 đồng.

- Lần 43: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 08/9/2022 đến ngày 16/9/2022), tiền gốc 2.600.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.600.000.000 đồng và lãi là 70.200.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.821.917,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 57.378.082,2 đồng.

- Lần 44: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 12/9/2022 đến ngày 21/9/2022), tiền gốc 3.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.500.000.000 đồng và lãi là 105.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 19.178.082,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 85.821.917,8 đồng.

- Lần 45: Thời hạn cho vay 12 ngày (từ ngày 15/9/2022 đến ngày 26/9/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 72.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.150.684,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 58.849.315,1 đồng.

- Lần 46: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 17/9/2022 đến ngày 26/9/2022), tiền gốc 1.700.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao

gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.700.000.000 đồng và lãi là 51.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.315.068,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 41.684.931,5 đồng.

- Lần 47: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 19/9/2022 đến ngày 26/9/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 48.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.767.123,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 39.232.876,7 đồng.

- Lần 48: Thời hạn cho vay 13 ngày (từ ngày 22/9/2022 đến ngày 04/10/2022), tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.500.000.000 đồng và lãi là 58.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.684.931,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.815.068,5 đồng.

- Lần 49: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 23/9/2022 đến ngày 30/9/2022), tiền gốc 1.800.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.800.000.000 đồng và lãi là 43.200.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.890.411 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 35.309.589 đồng.

- Lần 50: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 28/9/2022 đến ngày 07/10/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi là 90.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 16.438.356,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 73.561.643,8 đồng.

- Lần 51: Thời hạn cho vay 12 ngày (từ ngày 03/10/2022 đến ngày 14/10/2022), tiền gốc 2.200.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.200.000.000 đồng và lãi là 79.200.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 14.465.753,4 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 64.734.246,6 đồng.

- Lần 52: Thời hạn cho vay 13 ngày (từ ngày 07/10/2022 đến ngày 19/10/2022), tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.500.000.000 đồng và lãi là 58.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.684.931,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.815.068,5 đồng.

- Lần 53: Thời hạn cho vay 13 ngày (từ ngày 14/10/2022 đến ngày 26/10/2022), tiền gốc 2.500.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.500.000.000 đồng và lãi là 97.500.000

đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 17.808.219,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 79.691.780,8 đồng.

- Lần 54: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 17/10/2022 đến ngày 26/10/2022), tiền gốc 2.200.000.000 đồng, lãi suất 0,3%/ngày, tương đương 109,5%/năm, cao gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.200.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận là 66.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.054.794,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 50.945.205,5 đồng (do bà N1 chuyển khoản thiếu 3.000.000 đồng).

- Lần 55: Thời hạn cho vay 11 ngày (từ ngày 21/10/2022 đến ngày 31/10/2022), tiền gốc 1.700.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/ngày, tương đương 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.700.000.000 đồng và lãi là 74.800.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.246.575,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 64.553.424,7 đồng.

- Lần 56: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 25/10/2022 đến ngày 01/11/2022), tiền gốc 4.000.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/ngày, tương đương 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và lãi là 128.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 17.534.246,6 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 110.465.753,4 đồng.

Còn lại 2.000.000.000 đồng tiền gốc bà N1 và bị cáo thỏa thuận chuyển thành khoản vay ngày 02/11/2022 (khoản vay này bà N1 chưa thanh toán cho bị cáo).

- Lần 57: Thời hạn cho vay 12 ngày (từ ngày 27/10/2022 đến ngày 07/11/2022), tiền gốc 3.700.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/ngày, tương đương 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.700.000.000 đồng và lãi là 177.600.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 24.328.767,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 153.271.232,9 đồng.

- Lần 58: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 02/11/2022 đến ngày 11/11/2022), tiền gốc 3.500.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/ngày, tương đương 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.500.000.000 đồng và lãi là 140.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 19.178.082,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 120.821.917,8 đồng.

2. Đối với bị cáo Lê Thị Thu H1:

Do có quan hệ họ hàng, nên từ ngày 27/12/2021 đến ngày 18/11/2022, bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1 vay tiền 61 lần, lãi suất thỏa thuận 0,35%/ngày, cụ thể như sau:

- Lần 01: Thời hạn cho vay 11 ngày (từ ngày 27/12/2021 đến ngày 06/01/2022), tiền gốc 1.300.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi là

50.050.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.835.616,4 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 42.214.383,6 đồng.

- Lần 02: Thời hạn cho vay 14 ngày (từ ngày 26/01/2022 đến ngày 08/02/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 98.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 15.342.465,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 82.657.534,2 đồng.

- Lần 03: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 09/02/2022 đến ngày 16/02/2022), tiền gốc 1.300.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi là 36.400.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.698.630,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 30.701.369,9 đồng.

- Lần 04: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 17/02/2022 đến ngày 22/02/2022), tiền gốc 1.900.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.900.000.000 đồng và tiền lãi là 39.900.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.246.575,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 33.653.424,7 đồng.

- Lần 05: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 23/02/2022 đến ngày 01/3/2022), tiền gốc 2.300.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.300.000.000 đồng và tiền lãi là 56.350.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.821.917,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.528.082,2 đồng.

- Lần 06: Thời hạn cho vay 13 ngày (từ ngày 02/3/2022 đến ngày 14/3/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 91.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 14.246.575,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 76.753.424,7 đồng.

- Lần 07: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 15/3/2022 đến ngày 21/3/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 49.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.671.232,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 41.328.767,1 đồng.

- Lần 08: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 22/3/2022 đến ngày 28/3/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 49.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.671.232,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 41.328.767,1 đồng.

- Lần 09: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 27/4/2022 đến ngày 04/5/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi là 84.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.150.684,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 70.849.315,1 đồng.

- Lần 10: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 05/5/2022 đến ngày 11/5/2022), tiền gốc 3.600.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.600.000.000 đồng và tiền lãi là 88.200.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.808.219,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 74.391.780,8 đồng.

- Lần 11: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 06/5/2022 đến ngày 13/5/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 56.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.767.123,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.232.876,7 đồng.

- Lần 12: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 12/5/2022 đến ngày 18/5/2022), tiền gốc 3.500.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi là 85.750.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.424.657,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 72.325.342,5 đồng.

- Lần 13: Thời hạn cho vay 11 ngày (từ ngày 16/5/2022 đến ngày 26/5/2022), tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi là 57.750.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.041.095,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 48.708.904,1 đồng.

Còn lại 1.000.000.000 đồng tiền gốc bà N1 và H1 thỏa thuận tính thành thời hạn cho vay 04 ngày (từ ngày 27/5/2022 đến ngày 30/5/2022), tiền gốc 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 14.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.191.780 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 11.808.220 đồng.

- Lần 14: Thời hạn cho vay 05 ngày (từ ngày 19/5/2022 đến ngày 23/5/2022), tiền gốc 3.500.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi là 61.250.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.589.041,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 51.660.958,9 đồng.

- Lần 15: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 19/5/2022 đến ngày 27/5/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 63.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 53.136.986,3 đồng.

- Lần 16: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 25/5/2022 đến ngày 02/6/2022), tiền gốc 1.950.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.950.000.000 đồng và tiền lãi là 75.075.000 đồng (do chuyển nhầm, trong khi tiền lãi theo thỏa thuận là 61.425.000 đồng), trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.616.438,4 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 65.458.561,6 đồng.

- Lần 17: Thời hạn cho vay 11 ngày (từ ngày 27/5/2022 đến ngày 06/6/2022), tiền gốc 2.100.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 chưa trả tiền gốc 2.100.000.000 đồng và đã trả tiền lãi là 80.850.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.657.534,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 68.192.465,8 đồng.

Khoản vay này bà N1 không trả tiền gốc mà tính lại thành khoản vay ngày 07/6/2022.

- Lần 18: Thời hạn cho vay 05 ngày (từ ngày 02/6/2022 đến ngày 06/6/2022), tiền gốc 4.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 4.000.000.000 đồng và tiền lãi là 70.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.958.904,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 59.041.095,9 đồng.

- Lần 19: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 07/6/2022 đến ngày 14/6/2022), tiền gốc 2.100.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.100.000.000 đồng và tiền lãi là 58.800.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.205.479,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 49.594.520,5 đồng.

- Lần 20: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 15/6/2022 đến ngày 22/6/2022), tiền gốc 2.200.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.200.000.000 đồng và tiền lãi là 61.600.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.643.835,6 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 51.956.164,4 đồng.

- Lần 21: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 21/6/2022 đến ngày 29/6/2022), tiền gốc 2.500.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.500.000.000 đồng và tiền lãi là 78.750.000 đồng, trong

đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.328.767,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 66.421.232,9 đồng.

- Lần 22: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 23/6/2022 đến ngày 29/6/2022), tiền gốc 2.200.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.200.000.000 đồng và tiền lãi là 53.900.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.438.356,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 45.461.643,8 đồng.

- Lần 23: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 29/6/2022 đến ngày 04/7/2022), tiền gốc 2.700.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.700.000.000 đồng và tiền lãi là 56.700.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.876.712,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.823.287,7 đồng.

- Lần 24: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 30/6/2022 đến ngày 07/7/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 56.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.767.123,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.232.876,7 đồng.

- Lần 25: Thời hạn cho vay 13 ngày (từ ngày 25/6/2022 đến ngày 07/7/2022), tiền gốc 900.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi là 40.950.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.410.958,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 34.539.041,1 đồng.

- Lần 26: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 05/7/2022 đến ngày 11/7/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 49.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.671.232,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 41.328.767,1 đồng.

- Lần 27: Thời hạn cho vay 12 ngày (từ ngày 07/7/2022 đến ngày 18/7/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi là 126.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 19.726.027,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 106.273.972,7 đồng.

- Lần 28: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 12/7/2022 đến ngày 18/7/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 42.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.671.232,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 34.328.767,1 đồng.

- Lần 29: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 24/7/2022 đến ngày 29/7/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 42.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.575.342,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 35.424.657,5 đồng.

- Lần 30: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 29/7/2022 đến ngày 05/8/2022), tiền gốc 2.300.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.300.000.000 đồng và tiền lãi là 64.400.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.082.191,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 54.317.808,2 đồng.

- Lần 31: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 03/8/2022 đến ngày 11/8/2022), tiền gốc 2.400.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.400.000.000 đồng và tiền lãi là 75.600.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 11.835.616,4 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 63.764.383,6 đồng.

- Lần 32: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 06/8/2022 đến ngày 11/8/2022), tiền gốc 2.400.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.400.000.000 đồng và tiền lãi là 50.400.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.890.411 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 42.509.589 đồng.

- Lần 33: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 12/8/2022 đến ngày 17/8/2022), tiền gốc 3.350.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.350.000.000 đồng và tiền lãi là 70.350.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 11.013.698,6 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 59.336.301,4 đồng.

- Lần 34: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 15/8/2022 đến ngày 22/8/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 56.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.767.123,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.232.876,7 đồng.

- Lần 35: Thời hạn cho vay 05 ngày (từ ngày 22/8/2022 đến ngày 26/8/2022), tiền gốc 3.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi là 52.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.219.178,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 44.280.821,9 đồng.

- Lần 36: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 24/8/2022 đến ngày 29/8/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao

gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 42.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.575.342,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 35.424.657,5 đồng.

- Lần 37: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 22/8/2022 đến ngày 31/8/2022), tiền gốc 1.700.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 59.500.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.315.068,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 50.184.931,5 đồng.

- Lần 38: Thời hạn cho vay 15 ngày (từ ngày 29/8/2022 đến ngày 12/9/2022), tiền gốc 2.600.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.600.000.000 đồng và tiền lãi là 136.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 21.369.863 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 114.630.137 đồng.

- Lần 39: Thời hạn cho vay 14 ngày (từ ngày 30/8/2022 đến ngày 12/9/2022), tiền gốc 1.800.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.800.000.000 đồng và tiền lãi là 88.200.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.808.219,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 74.391.780,8 đồng.

- Lần 40: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 06/9/2022 đến ngày 14/9/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 63.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 53.136.986,3 đồng.

- Lần 41: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 13/9/2022 đến ngày 20/9/2022), tiền gốc 4.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 4.000.000.000 đồng và tiền lãi là 112.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 17.534.246,6 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 94.465.753,4 đồng.

- Lần 42: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 21/9/2022 đến ngày 27/9/2022), tiền gốc 3.300.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 80.085.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.657.534,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 67.427.465,8 đồng.

Còn lại 1.300.000.000 đồng tiền gốc bà N1 và H1 thỏa thuận tính thành khoản vay mới Thời hạn cho vay 02 ngày (từ ngày 27/9/2022 đến ngày 28/9/2022), tiền gốc 1.300.000.000 đồng, lãi suất 0,17%/ngày, tương đương 62%/năm, cao gấp 3,1 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Bà N1 đã trả tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi là 4.450.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.424.657,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 3.025.342,5 đồng.

- Lần 43: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 26/9/2022 đến ngày 03/10/2022), tiền gốc 3.800.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.800.000.000 đồng và tiền lãi là 106.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 16.657.534,2 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 89.342.465,8 đồng.

- Lần 44: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 28/9/2022 đến ngày 05/10/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 56.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.767.123,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 47.232.876,7 đồng.

- Lần 45: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 29/9/2022 đến ngày 06/10/2022), tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 42.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.575.342,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 35.424.657,5 đồng.

- Lần 46: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 03/10/2022 đến ngày 10/10/2022), tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 42.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.575.342,4 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 35.424.657,6 đồng.

- Lần 47: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 07/10/2022 đến ngày 12/10/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 42.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.575.342,5 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 35.424.657,5 đồng.

- Lần 48: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 11/10/2022 đến ngày 18/10/2022), tiền gốc 2.800.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.800.000.000 đồng và tiền lãi là 78.400.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.273.972,6 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 66.126.027,4 đồng.

- Lần 49: Thời hạn cho vay 07 ngày (từ ngày 13/10/2022 đến ngày 19/10/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là

49.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.671.232,9 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 41.328.767,1 đồng.

- Lần 50: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 18/10/2022 đến ngày 25/10/2022), tiền gốc 2.900.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.900.000.000 đồng và tiền lãi là 81.200.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.712.328,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 68.487.671,2 đồng.

- Lần 51: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 19/10/2022 đến ngày 28/10/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 70.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.958.904,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 59.041.095,9 đồng.

- Lần 52: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 26/10/2022 đến ngày 02/11/2022), tiền gốc 2.700.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.800.000.000 đồng và tiền lãi là 75.600.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 11.835.616,4 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 63.764.383,6 đồng.

Còn lại 900.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay này bà N1 và H1 thỏa thuận tính thành khoản vay mới từ ngày 03/11/2022.

- Lần 53: Thời hạn cho vay 10 ngày (từ ngày 26/10/2022 đến ngày 04/11/2022), tiền gốc 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 40.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.479.452,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 34.520.547,9 đồng.

- Lần 54: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 03/11/2022 đến ngày 10/11/2022), tiền gốc 3.500.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi là 112.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 15.342.465,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 96.657.534,2 đồng.

- Lần 55: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 07/11/2022 đến ngày 15/11/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 72.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 62.136.986,3 đồng.

- Lần 56: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 07/11/2022 đến ngày 15/11/2022), tiền gốc 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy

định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 36.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.931.506,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 31.068.493,2 đồng.

- Lần 57: Thời hạn cho vay 09 ngày (từ ngày 09/11/2022 đến ngày 17/11/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 72.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 9.863.013,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 62.136.986,3 đồng.

- Lần 58: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 10/11/2022 đến ngày 17/11/2022), tiền gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.800.000.000 đồng và tiền lãi là 64.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.767.123,3 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 55.232.876,7 đồng.

Còn lại 200.000.000 đồng tiền gốc bà N1 thỏa thuận với H1 tính thành khoản vay mới ngày 17/11/2022.

- Lần 59: Thời hạn cho vay 11 ngày (từ ngày 11/11/2022 đến ngày 21/11/2022), tiền gốc 1.800.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 đã trả tiền gốc 1.800.000.000 đồng và tiền lãi là 79.200.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.849.315,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 68.350.684,9 đồng.

- Lần 60: Thời hạn cho vay 08 ngày (từ ngày 16/11/2022 đến ngày 23/11/2022), tiền gốc 2.500.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 chưa trả tiền gốc 2.500.000.000 đồng và đã trả tiền lãi là 80.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.958.904,1 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 69.041.095,9 đồng.

- Lần 61: Thời hạn cho vay 06 ngày (từ ngày 18/11/2022 đến ngày 23/11/2022), tiền gốc 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,35%/ngày, tương đương 127,75%/năm, cao gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Bà N1 chưa trả tiền gốc 1.500.000.000 đồng và đã trả tiền lãi là 36.000.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.931.506,8 đồng, bị cáo thu lợi bất chính 31.068.493,2 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 03/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Thị Bích H 01 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H1 01 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1 mỗi người 40.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Buộc bị cáo Mai Thị Bích H giao nộp số tiền 138.312.164.383,6 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, trong đó gồm tiền gốc sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 137.600.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 712.164.383,6 đồng. Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả, bị cáo còn phải nộp thêm số tiền 138.302.164.383,6 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Thị Thu H1 giao nộp số tiền 130.020.246.575,3 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, trong đó gồm tiền gốc sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 129.400.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 620.246.575,3 đồng. Khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả, bị cáo còn phải nộp thêm số tiền 130.016.246.575,3 đồng

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc N1 giao nộp số tiền 2.000.000.000 đồng là khoản tiền vay chưa thanh toán cho bị cáo Mai Thị Bích H và số tiền 4.000.000.000 đồng là khoản tiền vay chưa thanh toán cho bị cáo Lê Thị Thu H1 để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Mai Thị Bích H trả lại số tiền thu lợi bất chính 3.343.735.616,4 đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1.

- Buộc bị cáo Lê Thị Thu H1 trả lại số tiền thu lợi bất chính 3.420.463.424,7 đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng, quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành án cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/02/2026 bị cáo Mai Thị Bích H kháng cáo, ngày 09/02/2026 bị cáo Lê Thị Thu H1 kháng cáo. Cả hai bị cáo đều có yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng án treo; đối với số tiền gốc sử dụng vào việc cho vay lãi nặng Tòa án cấp sơ thẩm cộng dồn của từng lần cho vay để buộc các bị cáo nộp ngân sách Nhà nước là không đúng thực tế, vì bà N1 vay tiền đến hạn trả cho các bị cáo, cáo bị cáo dùng số tiền này cho bà N1 vay tiếp, thực tế số tiền các bị cáo cho bà N1 vay dao động từ 5 đến 7 tỷ đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1 khai nhận như tại cấp sơ thẩm và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của

Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và các biện pháp tư pháp.

- Người bào chữa cho bị cáo Mai Thị Bích H trình bày ý kiến tranh luận:

Các vị Luật sư thống nhất về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo H. Tuy nhiên, các vị Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm là bà Huỳnh Thị M và bà Nguyễn Thái Thanh T1 vì 02 người này cung cấp tiền (cho bị cáo vay tiền) để bị cáo cho bà N1 vay; bị cáo H có nghề nghiệp ổn định từ cơ sở dịch vụ cầm đồ, nên không có sử dụng tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay làm nguồn sống chính, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là không chính xác; số tiền bị cáo cho bà N1 vay mặt dù nhiều lần, nhưng bà N1 vay rồi trả bị cáo lấy số tiền bà N1 trả để cho vay tiếp lần sau, thực tế lần bị cáo cho bà N1 vay cao nhất chỉ đến 04 tỷ đồng, Tòa án cấp sơ thẩm cộng tất cả số tiền gốc của các lần bị cáo H cho bà N1 vay để buộc bị cáo giao nộp số tiền 137.600.000 đồng vào ngân sách Nhà nước là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến đối đáp cho rằng trong quá trình điều tra bà Huỳnh Thị M, bà Nguyễn Thái Thanh T1 thừa nhận có cho bị cáo Lê Thị Thu H1 và bị cáo Mai Thị Bích H vay tiền với lãi suất 0,2%/ngày, tương đương 72%/năm, nhưng không chứng minh được bà M và bà T1 có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm cũng nhận định rõ không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà M và bà T1, vì vậy các Luật sư cho rằng bỏ lọt tội phạm là không có căn cứ. Các lần bị cáo H (kể cả bị cáo H1) cho bà N1 vay là độc lập, Tòa án cấp sơ thẩm cộng tiền gốc của tất cả các lần cho vay để buộc các bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước là đúng pháp luật. Các bị cáo đều khai tiền thu lợi bất chính từ việc cho bà N1 vay sử dụng trả lãi, còn lại chi sài trong gia đình nên thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp. Từ đó Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét như nội dung đơn kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1 kháng cáo đúng quy định tại các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, nên vụ án được xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1 cùng khai nhận đã cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1 vay tiền với thời gian cho vay, số lần cho vay, số tiền gốc từng lần cho vay, lãi suất, số tiền bà N1 trả nợ gốc, trả lãi và số tiền bà N1 còn nợ các bị cáo đúng như án sơ thẩm đã xác định. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc

N1, các tài liệu Cơ quan điều tra thu thập chứng minh việc cho vay và trả lãi. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

- Đối với bị cáo Mai Thị Bích H: Từ ngày 25/9/2021 đến ngày 02/11/2022, bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1 vay 58 lần tiền, lần cho vay thấp nhất 1,2 tỷ đồng, cao nhất 04 tỷ đồng, tổng số tiền gốc cộng dồn của từng lần cho vay được xác định là 137.600.000.000 đồng; lãi suất của mỗi lần cho vay thấp nhất là 109,5% (gấp 5,38 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), cao nhất là 146% (gấp 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), từng lần cho vay bị cáo thu lợi bất chính đều trên 30.000.000 đồng; tổng số tiền bà N1 đã trả lãi cho bị cáo là 4.055.900.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 712.164.383,6 đồng, bị cáo thu lợi bất chính (số tiền lãi vượt mức 20%/năm) 3.343.735.616,4 đồng. Bà N1 còn nợ bị cáo 2.000.000.000 đồng của khoản vay ngày 02/11/2022 (lần vay 56) chưa thanh toán.

- Đối với bị cáo Lê Thị Thu H1: Từ ngày 27/12/2021 đến ngày 18/11/2022, bị cáo đã cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1 vay 61 lần tiền, lần cho vay thấp 900 triệu đồng, cao nhất 04 tỷ đồng, tổng số tiền gốc cộng dồn của từng lần cho vay được xác định là 129.400.000.000 đồng; lãi suất của mỗi lần cho vay 127,75% (gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), từng lần cho vay bị cáo thu lợi bất chính đều trên 30.000.000 đồng; tổng số tiền bà N1 đã trả lãi cho bị cáo là 4.040.710.000 đồng, trong đó tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự là 620.246.424,7 đồng, bị cáo thu lợi bất chính (số tiền lãi vượt mức 20%/năm) 3.420.463.424,7 đồng. Bà N1 còn nợ bị cáo 4.000.000.000 đồng của khoản vay lần 60 và 61.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận: Mỗi lần các bị cáo cho bà N1 vay tiền đều độc lập và có mức lãi suất gấp 05 lần trở lên so với mức lãi suất 20% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, bị cáo H thu lợi bất chính tổng số tiền 3.343.735.616,4 đồng, bị cáo H1 thu lợi bất chính tổng số tiền 3.420.463.424,7 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và áp dụng khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo là đúng pháp luật. Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[4] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần trong thời gian dài, lấy khoản lợi bất chính làm nguồn thu nhập. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tín dụng, tài chính, ngân hàng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay với mức lãi suất vượt quá quy định pháp luật là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện trong thời gian dài, gây bất ổn trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với bị cáo Mai Thị Bích H: Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Khi phạm tội bị cáo đang mang thai, sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, tự nguyện nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, mức án 01 năm 03 tháng tù đã tuyên cho bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của án sơ thẩm là 40.000.000 đồng, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên bị cáo cũng không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

- Đối với bị cáo Lê Thị Thu H1: Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, tự nguyện nộp 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật hình sự thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, mức án 01 năm 03 tháng tù đã tuyên cho bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, nên bị cáo cũng không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

[6] Xét kháng cáo của các bị cáo đối với số tiền gốc cho vay Tòa án cấp sơ thẩm cộng dồn của từng lần cho vay để buộc các bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước thấy rằng: Như đã nhận định ở phần [2], bị cáo H cho bà N1 58 lần, bị cáo H1 cho bà N1 vay 61 lần, trong từng lần các bị cáo cho bà N1 vay tiền đều độc lập và

đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo H nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc cộng dồn 137.600.000.000 đồng và buộc bị cáo H1 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc cộng dồn 129.400.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về nội dung này.

[7] Từ những phân tích trên, án sơ thẩm đã xét xử và quyết định về trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp đúng pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Ý kiến tranh luận của các vị Luật sư bào chữa, bảo vệ cho bị cáo Mai Thị Bích H không có căn cứ để chấp nhận, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên án sơ thẩm.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 03/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Thị Bích H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tính tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tính tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1 mỗi người 40.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Buộc bị cáo Mai Thị Bích H giao nộp số tiền 138.312.164.383,6 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, trong đó tiền gốc sử dụng vào việc cho vay lãi

nặng là 137.600.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 712.164.383,6 đồng *(được khấu trừ số tiền 10.000.000 và số tiền 40.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả trong giai đoạn điều tra và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm)*.

- Buộc bị cáo Lê Thị Thu H1 giao nộp số tiền 130.020.246.575,3 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, trong đó tiền gốc sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 129.400.000.000 đồng, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 620.246.575,3 đồng *(được khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả trong giai đoạn điều tra)*.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc N1 nộp số tiền 2.000.000.000 đồng là khoản tiền vay chưa thanh toán cho bị cáo Mai Thị Bích H và số tiền 4.000.000.000 đồng là khoản tiền vay chưa thanh toán cho bị cáo Lê Thị Thu H1 để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Mai Thị Bích H trả lại số tiền thu lợi bất chính 3.343.735.616,4 đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1.

- Buộc bị cáo Lê Thị Thu H1 trả lại số tiền thu lợi bất chính 3.420.463.424,7 đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc N1.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Mai Thị Bích H và bị cáo Lê Thị Thu H1 mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan Thi hành án hình sự (CA Vĩnh Long);
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra (CA Vĩnh Long);
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long;
- TAND khu vực 5-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- UBND phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Lực